

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29/12/2023

V/v Kiện xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Long;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Ngư;

2. Ông Nguyễn Văn Thuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Triệu Đức Hoàng, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc Kiện xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T – Sinh năm 1979;

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc T - Sinh năm 1972;

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang cải tạo tại Phân trại số 6, Trại giam Phú Sơn 4.

Địa chỉ: xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Quốc T năm 2007, trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn

tại UBND xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng sống hạnh phúc trong thời gian đầu. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khi anh T mắc vào con đường ma túy, chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng không được đến năm 2018 thì anh bị bắt, sau đó bị xử phạt 17 năm tù. Vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Chị xác định không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Xuân B, sinh ngày 14/11/2003; Nguyễn Văn L, sinh ngày 16/04/2007 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 16/04/2007, hiện cháu Bắc đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Linh và cháu Thường đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

Tại Biên bản ghi lời khai, bị đơn anh Nguyễn Quốc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh chung sống với chị Nguyễn Thị T năm 2003, sau đó đến năm 2007 thì vợ chồng đi đăng ký kết hôn, trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Động Đạt, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình anh tại xóm Đ, xã Đ, huyện P. Vợ chồng sống hạnh phúc sau đó xảy ra mâu thuẫn nhỏ. Năm 2018 tôi bị vi phạm pháp luật và phải đi cải tạo 17 năm về tội ma túy. Chị T có đơn xin ly hôn quan điểm của anh là cũng nhất trí vì anh không còn tình cảm với chị T nữa.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Xuân B, sinh ngày 14/11/2003; Nguyễn Văn L, sinh ngày 16/04/2007 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 16/04/2007, hiện cháu Bắc đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Linh và cháu Thường đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Sau khi ly hôn cháu ở với ai thì tùy các cháu.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, do anh Nguyễn Quốc T đang cải tạo tại Trại giam Phú Sơn nên không thể tham gia hòa giải được. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 15/12/2023 và quyết định đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa công khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015; Căn cứ vào các Điều 51, 52, 56, 58, 81, 82, và điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T xin ly hôn anh Nguyễn Quốc T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Quốc T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Xuân B, sinh ngày 14/11/2003; Nguyễn Văn L, sinh ngày 16/04/2007 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 16/04/2007, hiện cháu Bắc đã trưởng thành, vì vậy không xem xét giải quyết. Cần giao cháu Linh và cháu Thương cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị T chịu án phí và các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Quốc T có nơi cư trú đăng ký HKTT tại xóm Đ, xóm Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Tại Đơn xin xét xử vắng mặt và Biên bản ghi lời khai ngày 12/12/2023 của anh Nguyễn Quốc T có xác nhận của Trại Giam Phú Sơn xác định, anh Nguyễn Quốc T hiện đang cải tạo tại Trại giam Phú Sơn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện P đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Quốc T, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Quốc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 01/8/2007 của UBND xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên). Vì vậy được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2018 do bất đồng về quan điểm sống. Quá tình chung sống anh T nghiện ma túy, chị đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh T không từ bỏ. Sau đó anh T phạm tội và phải đi cải tạo, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh T là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị T, anh T có 03 con chung là Nguyễn Xuân B, sinh ngày 14/11/2003; Nguyễn Văn L, sinh ngày 16/04/2007 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 16/04/2007, hiện cháu Bắc đã trưởng thành và các đương sự đều không yêu cầu giải quyết, vì vậy không xem xét giải quyết. Cháu Linh và cháu Thương đều có nguyện vọng được ở với mẹ, vì vậy cần giao cháu Linh và cháu Thương cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp với nguyện vọng và quyền lợi về mọi mặt của các cháu. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T, anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T xin ly hôn anh Nguyễn Quốc T.

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015; Điều 51,

52, 56, 58, 81, 82 và điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Quốc T.

2. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Xuân B, sinh ngày 14/11/2003 hiện cháu B đã trưởng thành và các đương sự đều không yêu cầu giải quyết, vì vậy không xem xét giải quyết. Giao hai cháu là Nguyễn Văn L, sinh ngày 16/04/2007 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 16/04/2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Quốc T. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp biên lai thu số 0004411 ngày 09/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

6. Quyền kháng cáo: Thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với bị đơn./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THA dân sự huyện P;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; VP, TK, TP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Đức Long

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Đức Long

